TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 739/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 17 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 580/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: 1 Block A T, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Ngô Thị M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được qui định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 25/7/2020. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích

hôn nhân không đạt được, nên ông Đ và bà M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M xác nhận trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hữu Đ1 (nam), sinh ngày 29/9/2019, cả hai thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Hữu Đ1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Việc thỏa thuận nuôi con giữa ông Đ và bà M là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị M chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị M và ông Nguyễn Hữu Đ thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 57 cấp ngày 25/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Bà Ngô Thị M và ông Nguyễn Hữu Đ có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hữu Đ1 (N), sinh ngày 29/9/2019, cả hai thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Hữu Đ1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/12/2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong trường hợp ông Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Ông Nguyễn Hữu Đ có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị M và ông Nguyễn Hữu Đ phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0036878 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân